TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 278/2018/HS-ST
Ngày: 04-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành.

Bà Trịnh Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Khiển - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 242/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Như T -** sinh năm 1980 tại: Thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nơi ĐKHKTT: Số 51 đường C, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 33 đường T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Như V và bà Vũ Thị N; có vợ Đỗ Thị Ngọc H (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Đỗ Thị Thu C - sinh năm 1989, nơi cư trú: Số 89 đường Q, phường Q, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Chị Đỗ Thị Thu C vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Bình D - sinh năm 1984, nơi cư trú: Xóm 2, khu X, xã H, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Anh Hoàng Bình D có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Như T và chị Đỗ Thị Ngọc H - sinh năm 1980, trú tại: Số 33 đường T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định từng là vợ chồng nhưng đã ly hôn từ năm 2011. Khoảng 09 giờ ngày 14-9-2017, T đang ở cửa hàng quần áo của chị H tại địa chỉ trên thì em gái của chị H là chị Đỗ Thị Thu C - sinh năm 1989, trú tại: Số 89 đường Q, phường Q, thành phố Đ, tỉnh Nam Định điều khiển xe máy điện Dibao đến cửa hàng giúp chị H, chị C dựng xe máy điện trước cửa hàng. Khoảng 17 giờ cùng ngày, chị H nhờ T đi giao hàng cho khách tại khu vực đường A, thành phố Đ. Do trước đây T đã nhiều lần đi giao hàng bằng xe máy điện của chị C nên lần này T lấy chìa khóa xe trên mặt quầy hàng rồi mở khóa điều khiển xe đi. Chị C nhìn thấy, tin tưởng đồng ý để T mượn xe đi giao hàng. Sau khi giao hàng xong, T điều khiển xe quay về cửa hàng nhưng không gặp C nên tiếp tục dùng xe đi chơi. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày T nhận được điện thoại của chị H đòi xe nhưng T không về mà tiếp tục điều khiển xe máy điện đi lang thang. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, do thiếu tiền tiêu xài, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy điện của chị C. T điều khiển xe đến cửa hàng Internet ở số 45 đường C, phường T, thành phố Đ và đề nghị chủ cửa hàng là anh Lưu Quang T1 - sinh năm 1990, trú tại: Số 38 đường T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định cầm cố chiếc xe máy điện này với giá 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng). Anh Lưu Quang T1 đồng ý cầm cố chiếc xe máy điện trên và giao tiền cho T. Số tiền trên T sử dụng nạp thẻ chơi game và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 15-9-2017, T đến nhà bạn là Trần Viết H1 - sinh năm 1979, trú tại: Số 9/129 đường V, phường V, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Tại đây, T nói với H1 là T đã cầm cố xe của vợ ở cửa hàng Internet và nhờ H liên hệ với anh Hoàng Bình D - sinh năm 1984, trú tại: Xóm 2, thôn X, xã H, thành phố Đ, tỉnh Nam Định để anh D cầm cố thêm tiền hoặc mua lại luôn chiếc xe này với giá 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). D đồng ý và đến cửa hàng Internet (theo sự sắp xếp của T) rồi trả anh Lưu Quang T1 số tiền 5.800.000 đồng (trong đó 5.500.000 đồng là tiền gốc, 300.000 đồng là tiền lãi) và lấy chiếc xe máy điện về rồi đưa cho H1 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng). Số tiền này H1 đã đưa lại cho T, T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Sau đó T vay anh D số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và nhờ anh D ghi lô đề giúp hết 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), anh D

đồng ý nhưng số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) còn lại sẽ đưa cho T sau. T về ăn ở sinh hoạt tại nhà H1 và tiếp tục vay tiền của anh H1 để tiêu xài và trốn tránh không liên lạc với chị H và chị C.

Đến ngày 05-10-2017, sau nhiều lần liên lạc để đòi xe nhưng không được, chị C đã đến cơ quan Công an trình báo sự việc. Tại cơ quan điều tra, chị Đỗ Thị Thu C, chị Đỗ Thị Ngọc H, anh Lưu Quang T1, anh Trần Viết H1, anh Hoàng Bình D đã khai nhận toàn bộ nội dung như đã nêu trên. Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Như T đã khai nhận hành vi của mình phù hợp với các tài liệu mà cơ quan điều tra thu thập được. Cơ quan điều tra đã cho T về để củng cố hồ sơ nhưng T đã bỏ trốn.

Khi biết chiếc xe máy điện do T cầm cố là vật chứng của vụ án đang giải quyết, anh Hoàng Bình D đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe, bộ sạc và các giấy tờ có liên quan để phục vụ quá trình điều tra. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Nam Định đã kết luận: Chiếc xe máy điện nhãn hiệu Dibao là vật chứng trong vụ án có trị giá 12.420.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Sau khi định giá, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đỗ Thị Thu C. Chị C đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì khác.

Ngày 28-5-2018, Nguyễn Như T đã đến cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Về vấn đề dân sự trong vụ án: Số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) anh Hoàng Bình D bỏ ra để cầm xe cho T, T đã trả cho anh D 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), còn lại 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) anh D yêu cầu T phải có trách nhiệm bồi thường số tiền này.

Về việc Nguyễn Như T viết giấy vay anh Hoàng Bình D số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) ngày 16-9-2017, anh D và T xác định đây là vấn đề vay mượn tiền dân sự giữa anh D và T nên hai bên sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

Bản cáo trạng số: 251/CT-VKS ngày 13-8-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố bị cáo Nguyễn Như T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Nguyễn Như T tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Như T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Nguyễn Như T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù; Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999: Buộc bị cáo

Nguyễn Như T phải bồi thường cho anh Hoàng Bình D số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Hoàng Bình D có quan điểm: bị cáo Nguyễn Như T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Như T nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Như T, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Như T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 09 giờ ngày 14-9-2017, Nguyễn Như T đã có hành bi lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe máy điện nhãn hiệu Dibao trị giá 12.420.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) của chị Đỗ Thị Thu C tại số 33 đường T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố nên bị cáo đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Như T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo Nguyễn Như T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã ra đầu thú và tự nguyện khắc phục bồi thường một phần hậu quả. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đối với an ninh trật tự trên địa bàn thành phố nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên xét bị cáo Nguyễn Như T chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên Hội đồng xét xử chỉ xử phạt bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Nguyễn Như T có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Đỗ Thị Thu C đã nhận lại tài sản nên không có đề nghị gì khác. Hiện tại bị cáo Nguyễn Như T chưa bồi thường cho anh Hoàng Bình D số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) còn lại nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 buộc bị cáo Nguyễn Như T phải bồi thường cho anh Hoàng Bình D số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Như T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Như T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Như T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

2. Trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Buộc bị cáo Nguyễn Như T phải bồi thường cho anh Hoàng Bình D số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Hoàng Bình D có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bị cáo Nguyễn Như T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí:

- Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Bị cáo Nguyễn Như T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Như T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Bình D được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại chị Đỗ Thị Thu C được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Thu Định

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.